TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-ST
Ngày: 13-6-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: **Bà Lê Thị Thùy Hương;**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Ông Lý Thanh Bình;**

Ông Huỳnh Văn Nhân;

- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Thạch Thị Thi** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1956

Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1970; Địa chỉ: xã T, huyện A, tỉnh G và ông Võ Nguyên T, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp S, xã A, huyện B, tỉnh B. Cùng địa chỉ liên lạc: phường H, quận K, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 11/3/2022); Ông Đ vắng mặt, ông T có mặt.

*Bị đơn: Ông Phạm Văn N(Phạm N), sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: tổ 11, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Do quen biết, bà L có cho ông N và bà T vay số tiền 338.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Vợ chồng ông N, bà T cam kết đến ngày 05/01/2022 sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền lại cho bà L. Việc vay tiền có lập Giấy mượn nợ ngày 27/12/2021. Đến ngày hẹn, bà L có đến nhà ông N, bà T để lấy lại tiền nhưng ông N, bà T hứa hẹn nhưng không trả nợ cho bà L. Theo đơn kiện, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà T trả số tiền 338.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/12/2021 đến ngày 27/3/2022 là 338.000.000 đồng X 2% X 3 tháng = 20.280.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 358.280.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông N, bà T trả tiền gốc 338.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn ông N, bà T thì Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông bà không đến. Do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà L khởi kiện ông N, bà T trả nợ theo giấy mượn nợ nên xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại số 184 KDC P2 Bà Bộ(KDC Quân Báo), đường Nguyễn Văn Linh, tổ 11, khu vực Bình Phó B, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

Đối với ông N, bà T: Tòa án đã triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng ông bà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt ông N, bà T theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Giấy mượn nợ ngày 27/12/2021 do bà L cung cấp thể hiện nội dung: Ông Phạm Văn N, bà Nguyễn Thị Hoài T có mượn của Bà Phạm Thị L số tiền 338.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 05/01/2022. Trong giấy mượn nợ không ghi nhận các bên có thỏa thuận lãi suất vay. Ông N, bà T cùng ký xác nhận người mượn nợ. Giấy mượn nợ ngày 27/12/2021 chứng minh được ông N, bà T có vay bà L số tiền 338.000.000 đồng. Bị đơn có quyền phản hồi ý kiến, phản tố và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên bị đơn cố tình vắng mặt nên xem như bị đơn tự mình bỏ đi

quyền lợi được chứng minh. Do đó, Giấy mượn nợ ngày 27/12/2021 là chứng cứ duy nhất có giá trị pháp lý. Đến hạn bị đơn không trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào Giấy mượn nợ ngày 27/12/2021 thì các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng không thỏa thuận lãi suất vay. Nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu trả nợ gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét phần lãi suất và buộc bị đơn trả tiền gốc cho nguyên đơn là đúng quy định.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn phải nộp: Không thu. Do nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 463; Điều 466 và Khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Thị L đối với bị đơn Ông Phạm Văn N(Phạm N), bà Nguyễn Thị Hoài T.

Buộc Ông Phạm Văn N (Phạm N) và bà Nguyễn Thị Hoài T có trách nhiệm trả cho Bà Phạm Thị L số tiền 338.000.000 đồng *(Ba trăm ba mươi tám triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật(Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.900.000 đồng *(Mười sáu triệu chín trăm nghìn đồng)*, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3.Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:
-Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
-Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thùy Hương